BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21 /2023/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2023*

THÔNG TƯ
Quy định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, phương thức, quy trình tuyển chọn công dân phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp hoặc chế độ tuyển dụng trong Công an nhân dân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

Việc tuyển chọn bằng phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ đại học Công an nhân dân đối với công dân đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các trường ngoài ngành Công an nhân dân; tuyển chọn bằng phương thức tuyển sinh học sinh phổ thông đã được xác nhận đủ điều kiện tuyển thẳng vào các trường đại học để cử đi đào tạo các trường ngoài ngành Công an nhân dân; tuyển chọn công dân đang học trình độ đại học trở lên các trường ngoài ngành Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Nhà nước và chủ trương, quy định của Bộ Công an tại các văn bản khác.

Điều 2. Nguyên tắc tuyển chọn

1. Theo yêu cầu nhiệm vụ và biên chế của Công an nhân dân.

2. Bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và bình đẳng giới.

3. Bảo đảm thực hiện đúng quy định của Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu trong công tác tuyển chọn cán bộ vào Công an nhân dân.

4. Bảo đảm đúng chỉ tiêu, chức danh, vị trí việc làm và đủ điều kiện, tiêu chuẩn; bảo đảm tính cạnh tranh, số lượng người dự tuyển ở mỗi chỉ tiêu phải cao hơn ít nhất hai lần so với chỉ tiêu cần tuyển (trừ tuyển chọn theo chỉ tiêu đích danh).

5. Có chính sách ưu tiên hợp lý trong tuyển chọn đối với người có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, ngoại ngữ giỏi trở lên; người có tài năng; người dân tộc thiểu số; đối tượng chính sách.

Điều 3. Đối tượng tuyển chọn

1. Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các bộ, ngành ở Trung ương và địa phương, hoặc sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đang phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

2. Công dân Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Điều kiện tuyển chọn

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Công an nhân dân và các quy định sau:

1. Công an nhân dân có nhu cầu biên chế.

2. Có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, năng khiếu phù hợp với yêu cầu của vị trí chức danh, công việc cần tuyển.

3. Bảo đảm các tiêu chuẩn tuyển chọn quy định tại Điều 5 Thông tư này và tự nguyện phục vụ lâu dài trong Công an nhân dân. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, các năm công tác phải được cơ quan, tổ chức (nơi công dân công tác) phân loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không trong thời gian chấp hành kỷ luật hoặc đang xem xét kỷ luật.

Điều 5. Tiêu chuẩn tuyển chọn

1. Tiêu chuẩn chính trị

Bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn sau:

a) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước;

b) Có năng lực, trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao, sẵn sàng chiến đấu hy sinh bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia;

c) Trung thực, tự giác, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, ý thức cảnh giác cách mạng cao, giữ gìn và bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt.

3. Trình độ

a) Đã tốt nghiệp (được cấp bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp), hình thức đào tạo chính quy (không bao gồm hình thức liên thông đại học), xếp hạng (hoặc loại) khá trở lên (trừ trường hợp bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài

hoặc bằng thạc sĩ, tiến sĩ không xếp hạng, loại tốt nghiệp) và bảo đảm một trong các tiêu chuẩn sau:

Đối tượng tuyển chọn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này yêu cầu phải tốt nghiệp đào tạo trình độ đại học trở lên;

Đối tượng tuyển chọn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này yêu cầu phải tốt nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng (bao gồm cả sơ cấp, trung cấp, cao đẳng nghề), đại học trở lên.

Riêng tuyển chọn để bố trí làm công tác nghiệp vụ Công an hoặc tham mưu, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực theo chức năng của Công an nhân dân chỉ tuyển người có trình độ đào tạo từ đại học trở lên.

b) Đối với công dân là người dân tộc thiểu số có thể tuyển công dân có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

4. Tuổi đời

Từ đủ 18 tuổi đến đủ 30 tuổi (tính đến ngày quyết định tạm tuyển hoặc quyết định tuyển chọn chính thức đối với trường hợp không phải tạm tuyển). Riêng công dân có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học, người dân tộc thiểu số, người đã có thời gian làm lao động hợp đồng trong Công an nhân dân trên 05 năm và các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này tuyển chọn đến đủ 35 tuổi; chức danh giáo sư, phó giáo sư tuyển chọn đến đủ 40 tuổi.

5. Sức khoẻ

Đủ tiêu chuẩn sức khỏe tuyển chọn vào Công an nhân dân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an và các quy định sau:

a) Chiều cao: Đối với nam từ 1m64 đến 1m95; đối với nữ từ 1m58 đến 1m80. Chỉ số khối cơ thể (BMI) được tính bằng trọng lượng (đơn vị tính: ki-lô-gam) chia cho bình phương chiều cao (đơn vị tính: mét) đạt từ 18,5 đến 30.

b) Thị lực: Thị lực không kính mỗi mắt đạt 9-10/10, tổng thị lực 02 mắt đạt từ 18-20/10; nếu mắt bị tật khúc xạ thì không quá 03 đi-ốp, kiểm tra thị lực qua kính mắt đạt 9-10/10, tổng thị lực 02 mắt đạt 19-20/10 trở lên.

c) Tuyển công dân có trình độ khoa học công nghệ bố trí làm công tác kỹ thuật nghiệp vụ, kỹ thuật hình sự, công nghệ thông tin, cơ yếu, an ninh mạng, tác chiến điện tử; người có trình độ bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp II, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành y học, dược học; có chức danh giáo sư, phó giáo sư; người dân tộc thiểu số: Được hạ thấp 02 (hai) cm đối với từng giới so với mức chiều cao tối thiểu quy định tại điểm a Khoản này; nếu mắt bị tật khúc xạ thì không quá 05 đi-ốp, kiểm tra thị lực qua kính mắt đạt 10/10, tổng thị lực 02 mắt đạt 19/10 trở lên.

6. Năng khiếu

Công dân được tuyển chọn để bố trí ở những đơn vị làm công tác nghiệp vụ công an còn phải là người bình tĩnh, nhạy bén, nhanh nhẹn, có trí nhớ tốt

theo yêu cầu của vị trí cần tuyển do Công an đơn vị, địa phương tuyển chọn xem xét, quyết định.

7. Đối với một số lực lượng, đơn vị, vị trí việc làm được pháp luật, Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn tuyển chọn riêng thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 6. Phương thức tuyển chọn

1. Việc tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân được thực hiện thông qua phương thức xét tuyển bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu tuyển chọn.

2. Trường hợp đã thực hiện các giải pháp để thu hút nguồn tuyển nhưng số lượng người đăng ký dự tuyển trong đợt xét tuyển không bảo đảm nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư này, Công an đơn vị, địa phương báo cáo về Cục Tổ chức cán bộ để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 7. Thứ tự ưu tiên trong tuyển chọn

1. Người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các Điều 4 và 5 Thông tư này, khi xét tuyển chọn vào Công an nhân dân được tính điểm ưu tiên tuyển chọn theo các nhóm cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: Công dân thuộc một trong các trường hợp sau được tính 05 điểm ưu tiên: Công dân có chức danh giáo sư, phó giáo sư; có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học; công dân là con đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sĩ;

b) Nhóm 2: Công dân thuộc một trong các trường hợp sau được tính 04 điểm ưu tiên: Công dân có trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, dược học;

c) Nhóm 3: Công dân thuộc một trong các trường hợp sau được tính 03 điểm ưu tiên: Công dân tốt nghiệp đại học loại xuất sắc thuộc trường hợp quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; công dân tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, giỏi; công dân tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp, sơ cấp loại xuất sắc, giỏi có chuyên môn phù hợp với chỉ tiêu tuyển chọn; công dân có bằng đại học thứ 2 trở lên; công dân có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ IELTS (Academic) đạt 6.5 trở lên, TOEIC đạt 900 trở lên, TOEFL (PBT) đạt 547 trở lên, TOEFL (CBT) đạt 210 trở lên, TOEFL (iBT) đạt 78 trở lên, CEFR B2 trở lên và tương đương.

d) Nhóm 4: Công dân thuộc một trong các trường hợp sau được tính 02 điểm ưu tiên: Công dân là con đẻ của: Thương binh, bệnh binh Công an nhân dân; cán bộ, công nhân công an có quá trình công tác liên tục trong ngành Công an từ 15 năm trở lên; công dân là con đẻ của: Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, người nhiễm chất độc hóa học trong chiến tranh, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động;

đ) Nhóm 5: Công dân thuộc một trong các trường hợp sau được tính 01 điểm ưu tiên: Công dân là người dân tộc thiểu số hoặc công dân khác đã có thời gian cư trú từ 10 năm liên tục trở lên ở miền núi, vùng cao, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn tình nguyện vào Công an nhân dân để phục vụ lâu dài tại các địa bàn đó; công dân cam kết tình nguyện công tác (từ 10 năm trở lên) ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Nếu nhiều người dự tuyển có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn để tuyển chọn, thì tuyển chọn những người thuộc nhóm ưu tiên. Nếu người dự tuyển có nhiều ưu tiên thì được cộng tất cả các ưu tiên và lựa chọn người có tổng điểm ưu tiên từ cao xuống thấp. Nếu nhiều người dự tuyển có điểm ưu tiên bằng nhau thì cấp ủy có thẩm quyền theo quy định xem xét, quyết định, trên cơ sở đó thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định tuyển chọn.

Chương II
TỔ CHỨC TUYỂN CHỌN CÔNG DÂN VÀO CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 8. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, gồm:

a) Đơn tự nguyện phục vụ trong Công an nhân dân viết tay;

b) Bản Lý lịch tự khai (theo mẫu chung của Bộ Công an), không cần xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú (Công an đơn vị, địa phương tuyển chọn có trách nhiệm thẩm tra, xác minh theo quy định);

c) Bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh;

d) Bản sao (có chứng thực) văn bằng, chứng chỉ được đào tạo phù hợp với chỉ tiêu tuyển chọn và bảng điểm (có chứng thực) kết quả học tập toàn khóa (nếu có); quyết định công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư (trường hợp tuyển chọn đối với giáo sư, phó giáo sư);

Trường hợp văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải dịch thuật sang tiếng Việt (có chứng thực) và được cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật;

đ) Giấy chứng nhận Đoàn viên, Đảng viên (nếu có);

e) Bản sao (có chứng thực) xác nhận đối tượng tại các điểm a (con đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sĩ), d, đ khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

g) Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện cấp huyện trở lên cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ theo quy định;

h) Ảnh 4cm x 6cm: 04 ảnh màu chụp trong 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, bổ sung các giấy tờ sau:

a) Bản Lý lịch cán bộ, công chức, viên chức có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác, làm việc;

b) Bản đánh giá, nhận xét quá trình công tác có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;

c) Bản sao (có chứng thực) các quyết định về xếp lương, nâng bậc lương của cơ quan tổ chức có thẩm quyền;

Điều 9. Hội đồng tuyển chọn

1. Hội đồng tuyển chọn của Công an đơn vị, địa phương, gồm:

a) Chủ tịch: Cục trưởng, Tư lệnh, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương (sau đây gọi chung là thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương); hoặc Phó Cục trưởng, Phó Tư lệnh, Phó Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương (sau đây gọi chung là Phó thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương) phụ trách trong trường hợp khuyết thủ trưởng hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm e Khoản này;

b) Phó Chủ tịch: Phó thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương phụ trách công tác xây dựng lực lượng; hoặc Phó thủ trưởng khác do thủ trưởng quyết định trong trường hợp khuyết Phó thủ trưởng phụ trách công tác xây dựng lực lượng hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm e Khoản này;

c) Ủy viên: Người đứng đầu hoặc cấp phó của cơ quan tổ chức cán bộ, thanh tra, y tế và chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan trực thuộc Công an đơn vị, địa phương;

d) Thư ký: Cán bộ tham mưu tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân thuộc cơ quan tổ chức cán bộ thuộc Công an đơn vị, địa phương;

đ) Cơ quan thường trực: Cơ quan tổ chức cán bộ Công an đơn vị, địa phương;

e) Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời gian cơ quan xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật; hoặc đã từng vi phạm kỷ luật trong công tác tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên, thư ký Hội đồng tuyển chọn, thành viên Cơ quan thường trực, các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển chọn.

2. Hội đồng tuyển chọn của Công an đơn vị, địa phương có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giúp thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương thực hiện tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân theo quy định;

b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ dự tuyển, tổ chức sơ tuyển; thẩm tra, kết luận tiêu chuẩn chính trị; kiểm tra, kết luận tiêu chuẩn sức khỏe, điều kiện văn bằng, chứng chỉ, năng khiếu, trình độ, năng lực chuyên môn cơ bản của người dự tuyển;

c) Tổng hợp kết quả xét tuyển trình cấp ủy có thẩm quyền theo quy định xem xét, quyết định, trên cơ sở đó thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định tuyển chọn;

d) Phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét tuyển theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng tuyển chọn của Công an đơn vị, địa phương làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết luận theo đa số (bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết do Chủ tịch hội đồng quyết định) và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Nội dung xét tuyển

Xét tuyển công dân vào Công an nhân dân được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng kiểm tra (vòng 1): Kiểm tra hồ sơ đăng ký dự tuyển theo Điều 8 Thông tư này, bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu tuyển chọn và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng sơ tuyển (vòng 2):

a) Phỏng vấn, tìm hiểu động cơ, mục đích, nguyện vọng vào phục vụ trong Công an nhân dân. Nội dung này đánh giá mức độ đạt hay không đạt;

b) Kiểm tra nhận thức chung về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Công an nhân dân và kiểm tra năng khiếu, kỹ năng chuyên môn phù hợp với chỉ tiêu, vị trí việc làm dự kiến của người dự tuyển. Nội dung này đánh giá mức độ đạt hay không đạt;

Nội dung, phương pháp thực hiện phỏng vấn, kiểm tra nhận chức chung, năng khiếu, kỹ năng chuyên môn và đánh giá kết quả đối với người dự tuyển do thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương tuyển chọn quyết định.

Điều 11. Xác định người trúng tuyển

1. Người được quyết định trúng tuyển phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các Điều 4 và 5 Thông tư này;

b) Bảo đảm đạt các nội dung xét tuyển quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên cùng đăng ký dự tuyển vào 01 chỉ tiêu tuyển chọn bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn và đạt các nội dung xét tuyển như nhau thì cấp ủy có thẩm quyền theo quy định xem xét, quyết định, trên cơ sở đó thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Trường hợp đã xét theo các thứ tự ưu tiên mà vẫn có nhiều người bằng nhau, thì thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương xem xét, quyết định người trúng tuyển. Không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các đợt tuyển chọn sau.

Điều 12. Trình tự tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân

1. Xây dựng kế hoạch

Căn cứ chỉ tiêu được Bộ trưởng Bộ Công an duyệt, cơ quan tổ chức cán bộ của Công an đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân trình thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương ký ban hành kế hoạch. Nội dung kế hoạch cần thể hiện rõ số lượng cần tuyển theo vị trí việc làm cụ thể; ngành, chuyên ngành, hình thức, bậc đào tạo cần tuyển; tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển; nguồn tuyển, thời gian tiếp nhận hồ sơ, phân công trách nhiệm, tổ chức thực hiện (đối với tuyển chọn đích danh, thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định nội dung kế hoạch tuyển chọn phù hợp).

2. Thông báo tuyển chọn và tiếp nhận hồ sơ

a) Căn cứ kế hoạch tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân của Công an đơn vị, địa phương, cơ quan tổ chức cán bộ thông báo công khai trên ít nhất một trong các phương tiện thông tin đại chúng là báo nói, báo viết, báo hình, báo điện tử, đồng thời phải đăng trên trang thông tin điện tử của Công an đơn vị, địa phương (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển, thủ tục hồ sơ và địa điểm tiếp nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển (đối với tuyển chọn đích danh, thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định hình thức thông báo phù hợp). Riêng tuyển cho các đơn vị nghiệp vụ cần giữ bí mật về người định tuyển, thì chỉ thông báo để cán bộ, chiến sĩ trong Công an đơn vị, địa phương giới thiệu người dự tuyển nhưng phải giữ bí mật;

b) Cơ quan tổ chức cán bộ bố trí cán bộ trực tiếp nhận hồ sơ. Nơi tiếp nhận hồ sơ cần niêm yết đầy đủ những thủ tục cần thiết để người dự tuyển nộp hồ sơ được thuận lợi. Chỉ tiếp nhận những hồ sơ đúng với nhu cầu và đảm bảo thủ tục theo quy định, những trường hợp không đảm bảo thì trả lại ngay cho người nộp hồ sơ. Khi tiếp nhận hồ sơ, phải lập sổ theo dõi ghi rõ thông tin về người dự tuyển, thứ tự nộp hồ sơ;

c) Thời gian nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển ít nhất là 30 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo tuyển chọn.

3. Thành lập Hội đồng tuyển chọn và tổ chức xét tuyển

Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc thông báo chỉ tiêu và tiếp nhận hồ sơ, căn cứ vào hồ sơ dự tuyển, cơ quan tổ chức cán bộ báo cáo thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn để thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 10 Thông tư này.

4. Thông báo kết quả tuyển chọn

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi tổ chức xét tuyển xong, Hội đồng tuyển chọn phải niêm yết công khai và gửi thông báo kết quả tuyển chọn bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký hoặc liên hệ để người dự tuyển trực tiếp nhận thông báo tại cơ quan tổ chức cán bộ của Công an đơn vị, địa phương.

5. Quyết định tạm tuyển, tuyển chọn chính thức công dân vào Công an nhân dân

Sau khi thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này, Hội đồng tuyển chọn thống nhất danh sách những người trúng tuyển trong kỳ tuyển chọn, báo cáo cấp ủy có thẩm quyền theo quy định xem xét, quyết định, trên cơ sở đó thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương ra quyết định tạm tuyển hoặc quyết định tuyển chọn chính thức đối với trường hợp không phải tạm tuyển.

Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, trước khi cơ quan tổ chức cán bộ đề xuất thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định phải yêu cầu người dự tuyển nộp quyết định xuất ngũ hoặc chuyển ngành hoặc văn bản đồng ý cho chuyển công tác của thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ.

6. Công bố quyết định tạm tuyển, tuyển chọn chính thức công dân vào Công an nhân dân

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương ban hành quyết định tạm tuyển hoặc quyết định tuyển chọn chính thức đối với trường hợp không phải tạm tuyển, cơ quan tổ chức cán bộ phải thông báo bằng văn bản đến công dân thời điểm có mặt tại cơ quan, đơn vị để nhận nhiệm vụ và chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ tổ chức công bố và trao quyết định cho người được tạm tuyển hoặc tuyển chọn chính thức đối với trường hợp không phải tạm tuyển vào Công an nhân dân.

Điều 13. Tạm tuyển

1. Công dân được tuyển chọn vào Công an nhân dân phải thực hiện chế độ tạm tuyển, trừ các trường hợp sau:

a) Công dân có chức danh giáo sư, phó giáo sư;

b) Người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I và dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học hoặc tốt nghiệp đại học loại xuất sắc;

c) Công dân tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cao đẳng nghề; trung cấp nghề, sơ cấp nghề đã có thời gian lao động hợp đồng ở Công an đơn vị, địa phương từ 6 tháng trở lên được tuyển chọn và bố trí đúng với chuyên môn đã làm lao động hợp đồng.

d) Công dân là người dân tộc thiểu số hoặc công dân khác đã có thời gian cư trú từ 10 năm liên tục trở lên ở miền núi, vùng cao, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn được tuyển bố trí lâu dài tại địa bàn.

đ) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

2. Thời gian tạm tuyển là 06 tháng, kể từ ngày quyết định tạm tuyển có hiệu lực thi hành. Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội và thời gian nghỉ ốm đau theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tạm tuyển.

3. Không điều động, bố trí, phân công công tác đối với người đang trong thời gian tạm tuyển sang vị trí việc làm khác vị trí được tạm tuyển (theo chỉ tiêu) ở trong cùng cơ quan, đơn vị hoặc sang cơ quan, đơn vị khác. Công dân được tạm tuyển ở các đơn vị nghiệp vụ không được bố trí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến bí mật nghiệp vụ công an.

Điều 14. Tuyển chọn chính thức công dân vào Công an nhân dân sau khi kết thúc thời gian tạm tuyển

1. Trước khi hết thời gian tạm tuyển 20 ngày làm việc, công dân được tạm tuyển phải báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng văn bản; cán bộ được giao hướng dẫn nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công dân tạm tuyển báo cáo với thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng người tạm tuyển.

2. Tập thể lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công dân tạm tuyển tiến hành họp để nhận xét, đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người được tạm tuyển "đạt yêu cầu" hay "không đạt yêu cầu" (có ghi biên bản cuộc họp), gửi cơ quan tổ chức cán bộ để tập hợp, báo cáo.

3. Cơ quan tổ chức cán bộ thẩm định báo cáo của đơn vị, tổng hợp, xin ý kiến cấp ủy có thẩm quyền theo quy định xem xét, quyết định, trên cơ sở đó thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định tuyển chọn và bố trí theo đúng chỉ tiêu tuyển; vị trí việc làm khi tạm tuyển (trừ trường hợp tuyển vào các đơn vị nghiệp vụ, nhưng khi tạm tuyển không bố trí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến bí mật nghiệp vụ công an).

Điều 15. Hủy quyết định tạm tuyển, tuyển chọn chính thức

1. Quyết định tạm tuyển, tuyển chọn chính thức của công dân bị hủy nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người đang được tạm tuyển, tuyển chọn chính thức không đến nhận nhiệm vụ hoặc đến nhận nhiệm vụ quá thời hạn quy định 15 ngày mà không được người có thẩm quyền đồng ý; người đang được tạm tuyển vi phạm pháp luật bị xử phạt từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Người đang được tạm tuyển không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có sai phạm trong thời gian tạm tuyển;

c) Không thuộc đối tượng tuyển chọn hoặc không bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn quy định tại các Điều 4 và 5 Thông tư này hoặc không đúng trình độ, ngành, nghề chuyên môn, hướng bố trí, sử dụng theo chỉ tiêu được duyệt nhưng không báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, trước khi quyết định;

d) Tạm tuyển, tuyển chọn chính thức khi chưa được giao chỉ tiêu hoặc vượt số lượng chỉ tiêu được Bộ trưởng Bộ Công an duyệt;

đ) Tạm tuyển, tuyển chọn chính thức không đúng quy trình quy định;

e) Cơ quan có thẩm quyền phát hiện có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực trong công tác tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

2. Công dân bị hủy quyết định tạm tuyển, tuyển chọn chính thức; hoặc kết thúc thời gian tạm tuyển mà không đạt yêu cầu để tuyển chọn chính thức đều phải cam kết bằng văn bản không tiết lộ nhiệm vụ được giao hoặc những hiểu biết liên quan đến cơ quan, đơn vị nơi mình đã được tạm tuyển, tuyển chọn chính thức.

3. Đối với trường hợp bị hủy quyết định tạm tuyển, tuyển chọn chính thức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công an đơn vị, địa phương theo thẩm quyền quyết định tạm tuyển, tuyển chọn người có kết quả xét tuyển liền kề (nếu còn thời hạn thực hiện chỉ tiêu tuyển chọn).

Điều 16. Thời hạn thực hiện chỉ tiêu và báo cáo kết quả tuyển chọn

1. Thời hạn thực hiện chỉ tiêu tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân là 12 tháng, kể từ ngày ban hành thông báo của Cục Tổ chức cán bộ. Sau thời gian này, Công an đơn vị, địa phương tuyệt đối không được tuyển chọn theo chỉ tiêu đã thông báo (trừ trường hợp báo cáo được Bộ trưởng đồng ý). Trường hợp vì lý do khách quan (phải kéo dài thời gian thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, sức khỏe, văn bằng đối với người dự tuyển) Công an đơn vị, địa phương trao đổi và được sự thống nhất bằng văn bản của Cục Tổ chức cán bộ trước khi tiếp tục thực hiện. Thời gian gia hạn trong trường hợp này không quá 02 tháng và chỉ được gia hạn một lần.

2. Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày công bố các quyết định tạm tuyển, tuyển chọn chính thức công dân vào Công an nhân dân, Công an đơn vị, địa phương phải báo cáo kết quả tuyển chọn về Cục Tổ chức cán bộ để phục vụ công tác quản lý. Nội dung báo cáo gồm: Chỉ tiêu tuyển, số lượng ứng viên dự tuyển theo từng chỉ tiêu, tiêu chuẩn, điều kiện của từng ứng viên, quy trình thành lập hội đồng, trình tự tổ chức xét tuyển, xác định người trúng tuyển và quyết định tạm tuyển, tuyển chọn chính thức.

Điều 17. Áp dụng quy định tuyển chọn đối với các trường hợp chuyển đổi chức danh, diện bố trí cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ

1. Đối với trường hợp công tác tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong Công an nhân dân thuộc diện bố trí sử dụng lao động hợp đồng, nhưng do điều chỉnh nhiệm vụ, tổ chức hoặc được bổ nhiệm, bố trí đảm nhiệm các chức danh, công việc thuộc đối tượng không ký kết hợp đồng lao động theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sử dụng lao động hợp đồng trong Công an nhân dân (tuyển vào biên chế) phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Điều 4 và 5 Thông tư này.

2. Công nhân công an chuyển diện bố trí sang sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ ở lĩnh vực công tác nghiệp vụ hoặc tham mưu, quản lý nhà nước phải bảo đảm tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

Điều 18. Tiếp nhận vào Công an nhân dân

1. Đối tượng tiếp nhận

a) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các bộ, ngành ở Trung ương và địa phương hoặc sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đang phục vụ trong

Quân đội nhân dân Việt Nam, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

b) Người đã từng là cán bộ Công an nhân dân chuyển ngành nay có nguyện vọng trở lại công tác trong Công an nhân dân (quá trình công tác trong Công an nhân dân hoàn thành nhiệm vụ, không vi phạm kỷ luật hoặc đã bị xử lý kỷ luật).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của người thuộc diện tiếp nhận

a) Bảo đảm các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư này và tự nguyện phục vụ lâu dài trong Công an nhân dân;

b) Bảo đảm các tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, văn bằng, chứng chỉ, sức khỏe quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 5 và điểm a, khoản 3 Điều 5 Thông tư này; không trong thời gian chấp hành kỷ luật hoặc đang xem xét kỷ luật; các năm công tác phải được cơ quan, tổ chức (nơi công dân công tác) phân loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; còn thời gian phục vụ ở vị trí việc làm sau khi tiếp nhận theo quy định.

c) Trường hợp tiếp nhận để bố trí giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy trong Công an nhân dân phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, b khoản này; tiêu chuẩn chung về phẩm chất, năng lực, uy tín, hiểu biết của chức vụ lãnh đạo, chỉ huy theo quy định; có thời gian công tác thực tế tối thiểu 05 năm trở lên phù hợp với lĩnh vực tiếp nhận (trừ trường hợp người đã từng là cán bộ Công an nhân dân) và đang giữ chức vụ tương đương (hoặc phải đang trong quy hoạch vào chức vụ tương đương) trong hệ thống chính trị theo quy định; đơn vị tiếp nhận còn cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy theo quy định.

3. Hồ sơ của người thuộc diện tiếp nhận: Bao gồm các thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

4. Đối với việc tiếp nhận để bố trí làm sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân (không giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy), thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương phải thành lập Hội đồng kiểm tra. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra và việc tổ chức kiểm tra, trình tự thực hiện tiếp nhận thực hiện tương tự như Hội đồng tuyển chọn và trình tự tuyển chọn quy định tại các Điều 9, 10, 11 và 12 Thông tư này.

5. Đối với việc tiếp nhận để bố trí giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy trong Công an nhân dân do cấp ủy Công an đơn vị, địa phương theo quy định xem xét, đề xuất, quyết định. Người thuộc diện tiếp nhận phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Về thẩm quyền quyết định tiếp nhận và bố trí giữ chức vụ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức cán bộ của lực lượng Công an nhân dân.

Điều 19. Phong cấp bậc hàm, xếp lương và bố trí, sử dụng

1. Căn cứ trình độ đào tạo (theo chỉ tiêu tuyển chọn, tiếp nhận), cấp bậc quân hàm, hệ số lương, thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu có) và chuyên môn, nhiệm vụ được giao, người được tuyển chọn, tiếp nhận vào Công

an nhân dân được xem xét phong cấp bậc hàm, xếp lương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Việc bố trí, sử dụng cán bộ phải căn cứ theo chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo và vị trí việc làm theo chỉ tiêu tuyển chọn, tiếp nhận. Đối với các trường hợp có trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng (bao gồm cả sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề) được tuyển chọn để bố trí làm công tác thuộc diện bố trí cán bộ chuyên môn kỹ thuật, văn thư, y tế, lái xe, công nhân công an và các công việc hành chính, phục vụ khác chỉ sau khi công tác được ít nhất 10 năm (trường hợp cử đi đào tạo trình độ đại học vừa làm vừa học) hoặc ít nhất 08 năm (trường hợp cử đi đào tạo trình độ trung cấp chính quy đối với cán bộ), nếu Công an đơn vị, địa phương có nhu cầu và cán bộ có đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì mới xem xét, giải quyết cho đi học chuyên môn, nghiệp vụ khác để chuyển đổi công việc.

3. Trong 03 năm liên tiếp kể từ ngày được tuyển chọn, tiếp nhận, nếu cán bộ có năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác thấp và có 02 năm liền phân loại cán bộ ở mức không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc có 02 lần bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên (trường hợp vừa bị tổ chức đảng, chính quyền hoặc đoàn thể xử lý kỷ luật nhưng do cùng một hành vi vi phạm thì được tính là 01 lần xử lý kỷ luật) thì Công an đơn vị, địa phương xem xét, giải quyết cho thôi phục vụ trong Công an nhân dân. Trong trường hợp này, cán bộ không phải viết đơn đề nghị.

Điều 20. Quản lý hồ sơ

1. Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ hồ sơ cá nhân của cán bộ. Mọi diễn biến trong quá trình công tác của cán bộ từ khi được tạm tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận đến khi thôi phục vụ đều phải được lưu vào hồ sơ cán bộ. Việc lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ cán bộ thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đối với các trường hợp hủy quyết định tạm tuyển, tuyển chọn không được nhận lại hồ sơ tuyển chọn. Công an đơn vị, địa phương lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của Công an đơn vị, địa phương

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Phổ biến, quán triệt quy định về tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân đến cán bộ, chiến sĩ của Công an đơn vị, địa phương;

b) Căn cứ tình hình biên chế và nhu cầu sử dụng theo từng vị trí việc làm, công việc để hướng dẫn Công an đơn vị, địa phương trực thuộc thực hiện và đề xuất chỉ tiêu tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân của Công an đơn vị, địa phương mình;

c) Thành lập Hội đồng tuyển chọn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chặt chẽ, quyết định tạm tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận đúng quy định;

d) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công an trong quá trình tổ chức việc tuyển chọn, tiếp nhận, bố trí, sử dụng cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về tuyển chọn, tiếp nhận theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

đ) Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với công dân trong thời gian tạm tuyển và khi tuyển chọn, tiếp nhận; tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ công an cho người được tuyển chọn, tiếp nhận; bố trí sử dụng theo phân cấp quản lý.

e) Căn cứ đặc thù công tác, chiến đấu, các đơn vị thuộc lực lượng an ninh, tình báo có thể bổ sung các điều kiện, tiêu chuẩn đối với người dự tuyển, nội dung xét tuyển nhưng không được trái với các quy định tại Thông tư này.

2. Cục Tổ chức cán bộ

a) Tham mưu, đề xuất chủ trương, kế hoạch tuyển chọn, tiếp nhận người vào Công an nhân dân hằng năm hoặc theo yêu cầu, nhiệm vụ;

b) Hướng dẫn Công an đơn vị, địa phương xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, tiếp nhận đúng quy định, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Công an nhân dân;

c) Thẩm định, tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Công an duyệt chỉ tiêu tuyển chọn, tiếp nhận người vào Công an nhân dân cho từng Công an đơn vị, địa phương và xét duyệt đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư này;

d) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện tuyển chọn, tiếp nhận người vào Công an nhân dân của Công an đơn vị, địa phương;

đ) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ (cấp phòng và tương đương)

a) Hằng năm, căn cứ tình hình biên chế, nhu cầu sử dụng và hướng dẫn của cấp trên để đề xuất chỉ tiêu tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân của đơn vị mình; phối hợp tổ chức tuyển chọn, tiếp nhận theo chức năng và yêu cầu của cấp trên;

b) Hướng dẫn người được tạm tuyển nắm vững nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, của ngành Công an và thực hành những công việc mà người đó sẽ đảm nhiệm sau khi được tuyển chọn, tiếp nhận;

c) Chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày công dân đến nhận việc, thủ trưởng đơn vị phải cử cán bộ có năng lực và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người được tạm tuyển phù hợp với thực tiễn yêu cầu công tác của đơn vị.

Điều 22. Trách nhiệm của công dân được tạm tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận vào Công an nhân dân

1. Công dân phải đến nhận nhiệm vụ đúng ngày, tháng, năm quy định trong quyết định tạm tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận. Trường hợp có lý do chính đáng mà không thể đến nhận nhiệm vụ đúng thời hạn ghi trong quyết định thì

phải làm đơn xin gia hạn và phải được thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Thời hạn mỗi lần gia hạn không quá 05 ngày làm việc và không được gia hạn quá 02 lần.

2. Công dân khi đến nhận nhiệm vụ phải viết bản cam kết không tự ý tìm hiểu, tiếp xúc với các tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước, của Ngành Công an; không tiết lộ nhiệm vụ được giao hoặc những hiểu biết liên quan đến cơ quan, đơn vị nơi mình đã được tạm tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận.

3. Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm và những việc sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không được làm theo quy định tại các điều 31 và 32 Luật Công an nhân dân năm 2018.

Điều 23. Xử lý trách nhiệm

1. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương phải chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi bị hủy quyết định tạm tuyển, tuyển chọn theo quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 1 Điều 15 Thông tư này; đồng thời phải hoàn trả vào ngân sách Nhà nước phần kinh phí chi cho tiền lương và chế độ, chính sách theo lương đã chi cho người được tạm tuyển, tuyển chọn.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng Bộ Công an xem xét hạn chế hoặc không giao quyền quyết định tuyển chọn, tiếp nhận công dân vào Công an nhân dân và đề xuất hình thức xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

2. Cán bộ trực tiếp tham mưu, đề xuất tuyển chọn, tiếp nhận công dân vào Công an nhân dân có hành vi cố ý làm trái hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong công việc (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền) hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi sai phạm (trừ hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân), tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, đồng thời không được bố trí làm công tác tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

3. Công dân được tạm tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận đến nhận nhiệm vụ quá thời hạn quy định trong quyết định tạm tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận mà không được thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng đồng ý hoặc đến nhận nhiệm vụ quá thời gian được gia hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an hoặc hủy quyết định tạm tuyển, tuyển chọn, tiếp nhận đã ký.

4. Mọi sai phạm trong công tác tuyển chọn, tiếp nhận công dân vào Công an nhân dân khi đã có kết luận hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền đều phải thông báo công khai trong nội bộ Công an đơn vị, địa phương, trường hợp cần rút kinh nghiệm chung, Cục Tổ chức cán bộ có văn bản thông báo trong toàn lực lượng.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2023 và thay thế Thông tư số 55/2019/TT-BCA ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì những nội dung liên quan đến Thông tư này cũng được thay đổi theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp và thời hạn giải quyết

1. Các trường hợp tạm tuyển, tuyển chọn vào Công an nhân dân trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2019/TT-BCA ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

2. Trong trường hợp cần thiết để đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định hoặc cho ý kiến đối với trường hợp chưa bảo đảm đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn, tiếp nhận quy định tại Thông tư này trước khi Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định tuyển chọn, tiếp nhận cán bộ vào Công an nhân dân theo thẩm quyền phân cấp.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; hướng dẫn các biểu mẫu thống nhất sử dụng trong công tác tuyển chọn, tiếp nhận công dân vào Công an nhân dân.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Tổ chức cán bộ) để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Công an đơn vị, địa phương (để thực hiện);
- Lưu: VT, V03, X01(P2).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm